

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT
KIÊN GIANG**

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	9 – 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	11
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	12 – 38

QUẢN
CỔ
TRÁCH N
KIỂM
TỔNG V
CHỈ
CÁ
'ANG

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Xổ Sổ Kiến Thiết Kiên Giang (gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. Thông tin chung

Công ty TNHH MTV Xổ sổ Kiến thiết Kiên Giang ("Công ty") là công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh Kiên Giang là cơ quan đại diện chủ sở hữu được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1700110137 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30 tháng 12 năm 2009 với các lần thay đổi, thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 12 năm 2024 và phê duyệt mức vốn điều lệ theo Quyết định của UBND tỉnh Kiên Giang số 1881/QĐ-UBND ngày 28 tháng 07 năm 2021.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 94 đường 3 tháng 2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
- Điện thoại : 0297.3871.000 - 386.2913
- Fax : 0297.3871.000 - 394.8818

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh xổ số kiến thiết (Mã ngành 9200);
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép bản ghi các loại.

2. Chủ tịch Công ty, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Chủ tịch Công ty, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm</u>
Ông Trần Chí Hùng	Chủ tịch	05/12/2024
Ông Lâm Minh Đạo	Tổng Giám đốc	08/02/2021
Bà Nguyễn Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Về hưu ngày 01/12/2025
Ông Đỗ Chí Hiền	Phó Tổng Giám đốc	01/04/2022

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm</u>
Ông Huỳnh Văn Ngà	Trưởng ban	17/03/2022
Bà Lâm Thanh Nhân	Thành viên	17/03/2022
Bà Đồng Thị Kim Ngân	Thành viên không chuyên trách	17/03/2022

Đại diện pháp luật

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm</u>
Ông Lâm Minh Đạo	Tổng Giám đốc	08/02/2021

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tình hình tài chính tổng hợp vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính tổng hợp

Chủ tịch Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và các luồng lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Ông TRẦN CHÍ HÙNG

Chủ tịch

An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2026



Số: 051.ĐC/2026/BCKT-CT.00248

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang (gọi tắt là Công ty), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2026 từ trang 5 đến trang 38 bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này thay thế báo cáo kiểm toán số 051/2026/BCKT-CT.00248 đã phát hành ngày 27 tháng 01 năm 2026 theo đề nghị công văn số 54/KT-XSKT ngày 19 tháng 03 năm 2026 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên Xổ số Kiến Thiết Kiên Giang yêu cầu điều chỉnh lại số chênh lệch trả thưởng để làm căn cứ tính quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 của Công ty.



NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0600-2023-009-1

Người được ủy quyền

LÂM HOÀI NHÂN

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5907-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHANH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 25 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG

Số 94 đường 3 tháng 2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.518.581.535.750	1.540.820.808.371
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	210.273.350.076	928.468.764.873
Tiền	111		130.273.350.076	311.242.764.873
Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	617.226.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2.1	1.035.353.750.000	372.957.000.001
Đầu tư ngắn hạn	121		1.035.353.750.000	372.957.000.001
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		261.244.479.339	228.232.526.400
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	239.289.889.020	224.327.943.786
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	726.000.000	145.700.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	21.506.798.359	4.037.090.654
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(278.208.040)	(278.208.040)
Hàng tồn kho	140		11.250.358.534	10.761.502.384
Hàng tồn kho	141	5.6	11.250.358.534	10.761.502.384
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		459.597.801	401.014.713
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	459.597.801	401.014.713
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		169.866.942.555	170.872.535.356
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		135.429.749.048	142.296.376.331
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	106.960.185.048	113.156.120.331
Nguyên giá	222		230.492.981.727	229.625.950.060
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(123.532.796.679)	(116.469.829.729)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	28.469.564.000	29.140.256.000
Nguyên giá	228		36.697.466.000	36.697.466.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.227.902.000)	(7.557.210.000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	34.330.358.047	28.548.885.241
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.500.000.000	13.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		47.547.700.000	47.547.700.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(26.717.341.953)	(32.498.814.759)
Tài sản dài hạn khác			106.835.460	27.273.784
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	106.835.460	27.273.784
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.688.448.478.305	1.711.693.343.727

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		938.448.478.305	968.505.710.098
Nợ ngắn hạn	310		520.737.157.305	576.890.239.097
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả người bán ngắn hạn	312	5.10	585.834.000	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313	5.11	613.582.402	1.256.846.879
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	388.084.118.721	377.346.945.558
Phải trả người lao động	315		38.490.012.480	35.562.534.105
Chi phí phải trả	316		2.111.797.428	109.565.412
Phải trả nội bộ	317		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13.1	6.355.044.000	5.756.750.336
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng rủi ro trả thưởng	321	5.14	54.810.128.000	137.107.969.250
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	5.15	29.686.640.274	19.749.627.557
Nợ dài hạn	330		417.711.321.000	391.615.471.001
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	5.13.2	361.099.850.000	335.004.000.001
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343	5.16	56.611.471.000	56.611.471.000
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		750.000.000.000	743.187.633.629
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	750.000.000.000	743.187.633.629
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		750.000.000.000	743.187.633.629
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.688.448.478.305	1.711.693.343.727

002-C
U HẠN
N
AM
IH
CÁNT

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
Số 94 đường 3 tháng 2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI				
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tài sản thuê ngoài			-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
Vé xổ số nhận bán hộ			-	-
Nợ khó đòi đã xử lý			2.796.396.482	2.796.396.482
Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng			8.900.128.916	8.900.128.916
Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp			-	-
Ngoại tệ các loại - USD			-	-
Doanh số phát hành xổ số kiến thiết			-	-



TRẦN THANH MINH
Người lập biểu



TRỊNH KIỀU OANH
Kế toán trưởng





LÂM MINH ĐẠO
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu	01		6.550.578.332.350	5.911.022.311.659
Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		6.524.565.368.181	5.883.707.536.362
Xổ số truyền thống	01.1.1		6.500.000.000.000	5.863.631.072.727
Xổ số cào	01.1.2		-	-
Xổ số lô tô	01.1.4		24.565.368.181	20.076.463.635
Doanh thu kinh doanh khác	01.2		26.012.964.169	27.314.775.297
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		851.030.265.413	767.440.113.440
Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		851.030.265.413	767.440.113.440
Xổ số truyền thống	02.1.1		847.826.086.953	764.821.444.269
Xổ số cào	02.1.2		-	-
Xổ số lô tô	02.1.4		3.204.178.460	2.618.669.171
Giảm trừ doanh thu khác	02.2		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1	5.699.548.066.937	5.143.582.198.219
Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		5.673.535.102.768	5.116.267.422.922
Xổ số truyền thống	10.1.1		5.652.173.913.047	5.098.809.628.458
Xổ số cào	10.1.2		-	-
Xổ số lô tô	10.1.4		21.361.189.721	17.457.794.464
Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		26.012.964.169	27.314.775.297
Chi phí kinh doanh	11	6.2	4.572.398.881.203	4.185.716.709.312
Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		4.565.492.308.516	4.180.950.209.848
Chi phí trả thường	11.1.1		3.498.955.920.000	3.144.621.047.300
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		1.066.536.388.516	1.036.329.162.548
Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2		6.906.572.687	4.766.499.464
Lợi nhuận gộp	20		1.127.149.185.734	957.865.488.907
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		1.108.042.794.252	935.317.213.074
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và kinh doanh dịch vụ khác	20.2		19.106.391.482	22.548.275.833
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	37.557.687.957	24.510.389.120
Chi phí tài chính	22	6.4	(5.781.472.806)	1.743.937.151
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	6.5	377.121.785	515.825.100
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	201.679.024.359	236.104.586.877
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		968.432.200.353	744.011.528.899
Thu nhập khác	31	6.7	726.766.595	455.328.282
Chi phí khác	32	6.8	22.065.530	19.232.997
Lợi nhuận khác	40		704.701.065	436.095.285

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
Số 94 đường 3 tháng 2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		969.136.901.418	744.447.624.184
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.12	192.933.716.453	148.157.028.468
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		776.203.184.965	596.290.595.716





TRẦN THANH MINH
Người lập biểu



TRỊNH KIỀU OANH
Kế toán trưởng

LÂM MINH ĐẠO
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH			
Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và kinh doanh khác	01	6.086.809.192.517	5.477.419.890.290
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(47.696.530.791)	(39.138.327.935)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(110.137.906.515)	(96.065.406.728)
Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(179.217.474.180)	(165.989.310.917)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.344.878.387.268	2.443.021.429.586
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(6.473.663.337.563)	(7.041.381.608.537)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	620.972.330.736	577.866.665.759
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.277.986.000.000)	(597.695.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	640.086.000.000	593.695.000.000
Chi tiền đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.491.113.687	21.195.151.881
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(609.408.886.313)	17.195.151.881
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(729.758.859.220)	(614.160.780.692)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(729.758.859.220)	(614.160.780.692)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(718.195.414.797)	(19.098.963.052)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	928.468.764.873	947.567.727.925
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	210.273.350.076	928.468.764.873

TRẦN THANH MINH
Người lập biểu

TRỊNH KIỀU OANH
Kế toán trưởng

LÂM MINH ĐẠO
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Kiên Giang ("Công ty") là công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh Kiên Giang là cơ quan đại diện chủ sở hữu được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1700110137 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30 tháng 12 năm 2009 với các lần thay đổi, thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 12 năm 2024 và phê duyệt mức vốn điều lệ theo Quyết định của UBND tỉnh Kiên Giang số 1881/QĐ-UBND ngày 28 tháng 07 năm 2021.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xổ số và in ấn.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh xổ số kiến thiết (Mã ngành 9200);
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép bản ghi các loại.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán bán độc lập

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang	1228 Nguyễn Trung Trực, Phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính
Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang - Chi nhánh Sài Gòn	số 152 Lê Hồng Phong, phường Chợ Quán, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang - Chi nhánh Miền Đông	số 1 khu A Trường Sơn, phường Hòa Hưng, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang - Chi nhánh Miền Tây	số 16 Phạm Ngũ Lão, Phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ
Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang - Chi nhánh Phú Quốc (*)	Số 32, Mạc Thiên Tích, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

(*) Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang - Chi nhánh Phú Quốc đã được giải thể theo Quyết định số 70/QĐ-XSKT ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu trên báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nhân viên của Công ty là 272 người.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với Công ty xổ số kiến thiết và các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư

Dự phòng giảm giá cho các khoản góp vốn, đầu tư được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Theo đó mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 1 đến 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 45
Máy móc thiết bị	02 – 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06
Tài sản cố định khác	06

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất có thời hạn khấu hao 50 năm, quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng rủi ro trả thường

Theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thường là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thường thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thường kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thường tối đa đối với xổ số truyền thống là 50% trên tổng giá trị phát hành, đối với xổ số cao tỷ lệ trả thường tối đa là 55% trên tổng giá trị phát hành, đối với xổ số lô tô tỷ lệ trả thường tối đa là 60% trên tổng giá trị vé xổ số dự kiến phát hành.

Tỷ lệ trả thường Công ty xây dựng cho mỗi loại như sau:

Vé xổ số truyền thống	49,00%
Vé xổ số lô tô	60,00%

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thường được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Dự phòng rủi ro trả} \\ \text{thường} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng doanh thu có} \\ \text{thuế của từng loại} \\ \text{hình xổ số trong kỳ} \\ \text{trích lập} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ trả thường kế} \\ \text{hoạch trong kỳ trích} \\ \text{lập theo quy định} \\ \text{đối với từng loại} \\ \text{hình xổ số} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Tổng giá trị trả thường thực tế} \\ \text{đã thanh toán cho khách hàng} \\ \text{trúng thưởng của từng loại} \\ \text{hình xổ số trong kỳ trích lập} \\ \text{thuộc trách nhiệm chi trả của} \\ \text{doanh nghiệp.} \end{array}$$

Tại thời điểm trích lập, tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thường của doanh nghiệp kinh doanh xổ số hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam không được vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số.

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thường để trả thường khi tỷ lệ trả thường thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thường kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thường không còn đủ để chi thì phần trả thường thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thường sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thường đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định tại điểm a khoản này thì phải hoàn nhập vào thu nhập khác.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Chủ tịch phê duyệt.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

4.14 Giá vốn kinh doanh

Giá vốn kinh doanh là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Giá vốn hàng bán của doanh nghiệp kinh doanh xổ số bao gồm các loại chi phí sau:

- Chi phí trả thưởng;
- Chi phí trực tiếp phát hành vé, bao gồm:
 - + Chi phí hoa hồng đại lý;
 - + Chi phí quay số mở thưởng, giám sát;
 - + Chi phí phòng chống số đề;
 - + Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng;
 - + Chi phí in vé số;
 - + Chi phí trực tiếp phát hành khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4.15 Ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương thực hiện của ban điều hành, người lao động, người quản lý và ban kiểm soát trong năm được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ về việc hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước, Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về qui định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước và Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/04/2025 về Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước.

Trong năm 2025, công ty tính chênh lệch trả thưởng để xác định quỹ lương của ban điều hành, người lao động như sau:

Chênh lệch trả thưởng để tính yếu tố khách quan khi xác định năng suất lao động và lợi nhuận	=	Chi phí trả thưởng năm 2025 (bao gồm cả số trích lập hoặc sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng - nếu có) (*)	-	Chi phí trả thưởng năm 2024 (bao gồm cả số trích lập hoặc sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng - nếu có)	x	Doanh thu tiêu thụ năm 2025
		Doanh thu tiêu thụ năm 2025		Doanh thu tiêu thụ năm 2024		

(*) Trong đó, chi phí trả thưởng năm 2025 bao gồm cả trích lập và loại trừ phần hoàn nhập rủi ro trả thưởng theo thông báo số 619/TB-KV V ngày 10/09/2025 của Kiểm toán nhà nước Khu vực V

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Trong năm, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là:

- Hoạt động xuất bản áp dụng thuế suất 10%
- Hoạt động còn lại áp dụng thuế suất 20%

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Lanh Ke Hà Tiên	Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Bình An	Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Phú Quốc	Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Du Lịch Núi Đền	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá	Công ty đầu tư
Chủ tịch, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt tồn quỹ	(i)	1.876.803.252	8.874.492.611
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	128.396.546.824	302.368.272.262
Các khoản tương đương tiền		80.000.000.000	617.226.000.000
		210.273.350.076	928.468.764.873

(i) Chi tiết số dư tiền mặt tồn quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Công ty Xổ Sổ Kiến Thiết Kiên Giang	1.859.436.340
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu	17.366.912
	1.876.803.252

(ii) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Công ty Xổ Sổ Kiến Thiết Kiên Giang	122.090.176.707
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	7.839.755.505
Ngân Hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	5.767.205.139
Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	12.875.697.518
Ngân Hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	13.333.991.795
Ngân Hàng Sài Gòn - Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang	10.925.154.923
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng	6.313.262.891
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	27.922.896.756
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam- Chi nhánh Cần Thơ II	454.627.382
Ngân Hàng Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	976.413
Ngân Hàng Phương Đông - Chi nhánh Kiên Giang	13.194.333.723
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn	1.165.636
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang II	1.043.474
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Rạch Giá Kiên Giang	1.306.392
Ngân Hàng Bảo Việt - Chi nhánh Kiên Giang	1.024.991
Ngân Hàng Đông Nam Á - Chi nhánh Kiên Giang	1.574.613
Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam - Phòng Giao Dịch Rạch Sỏi	7.854.320.854
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Rạch Sỏi Kiên Giang	1.207.925
Ngân Hàng Hợp Tác Xã Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	1.825.216
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tân Hiệp Kiên Giang II	1.404.600
Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	14.466.491.554
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc	1.028.289
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Bến Nhứt Kiên Giang II	1.451.108
Ngân Hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Kiên Giang	1.127.243.748
Ngân hàng Bản Việt - Chi nhánh Kiên Giang	1.186.262

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu	6.306.370.117
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	6.980.725
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	117.447.435
Ngân Hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	102.257.469
Ngân Hàng ĐT & PT Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	1.274.814.501
Ngân Hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Rạch Giá Kiên Giang	4.804.869.987
Tổng cộng	128.396.546.824

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (iii)	1.035.353.750.000	1.035.353.750.000	372.957.000.001	372.957.000.001
	1.035.353.750.000	1.035.353.750.000	372.957.000.001	372.957.000.001

Số dư tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06-12 tháng, lãi suất theo từng hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng.

(iii) Chi tiết số dư khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty, tiền gửi có kỳ hạn ký quỹ của các Đại lý và Xí Nghiệp In có kỳ hạn 6-12 tháng như sau:

Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang	996.853.750.000
TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN 06 THÁNG NHƯ SAU:	638.900.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang	10.500.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Kiên	20.100.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Rạch Sỏi Kiên Giang	187.600.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Rạch Giá Kiên Giang	41.700.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang II	75.900.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tân Hiệp Kiên Giang II	24.700.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bến Nhứt Kiên Giang II	19.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang	73.200.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	32.400.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang	53.300.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Sài Gòn	12.200.000.000
Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang	23.000.000.000
Ngân hàng Bảo Việt – Chi nhánh Kiên Giang	40.900.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Kiên Giang	24.400.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

KÝ QUỸ CỦA ĐẠI LÝ	357.953.750.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Kiên Giang	76.280.000.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Kiên Giang	24.454.500.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang	17.136.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang	44.625.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Quốc	115.668.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á – Chi nhánh Kiên Giang	38.913.750.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Kiên Giang	40.876.500.000
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tàu	38.500.000.000
TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN 12 THÁNG NHƯ SAU:	
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	7.000.000.000
Ngân Hàng NN & PTNT Kiên Giang	8.000.000.000
Ngân Hàng NN & PTNT Bến Nhứt	7.500.000.000
Ngân Hàng NN & PTNT Tân Hiệp	12.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.000.000.000
Tổng cộng	1.035.353.750.000

5.2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh						
Công ty Cổ phần Du Lịch Núi Đền	13.500.000.000	6.442.115.335	(*)	13.500.000.000	6.169.308.516	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Lanh Ke Hà Tiên	10.000.000.000	3.345.163.914	(*)	10.000.000.000	10.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Bình An	18.225.000.000	-	(*)	18.225.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Phú Quốc	5.030.400.000	2.637.762.704	(*)	5.030.400.000	2.037.206.243	(*)
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá	14.292.300.000	14.292.300.000	(*)	14.292.300.000	14.292.300.000	(*)
	61.047.700.000	26.717.341.953		61.047.700.000	32.498.814.759	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chưa có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Lanh Ke Hà Tiên với giá trị 10.000.000.000 VND, Công ty ngưng hoạt động.

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Bình An với giá trị 18.225.000.000 VND, chiếm 13,02 % vốn điều lệ.

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sài Gòn - Phú Quốc với giá trị 5.030.400.000 VND, chiếm 15,72 % vốn điều lệ.

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Du Lịch Núi Đền với giá trị 13.500.000.000 VND, chiếm 30,00 % vốn điều lệ.

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá với giá trị 14.292.300.000 VND, chiếm 10,73 % vốn điều lệ.

Tình hình hoạt động của các công ty đầu tư góp vốn

Công ty Cổ phần Lanh Ke Hà Tiên chưa đi vào hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên từ năm 2012 trở về trước, Công ty vẫn được nhận lãi từ khoản đầu tư trước thuế như một khoảng tiền gửi ngân hàng. Từ năm 2013 đến nay, Công ty không nhận được lãi từ khoản đầu tư này do dự án đã ngưng triển khai để chuyển đổi sản xuất Clinker sang sản xuất vôi công nghiệp theo chủ trương của Bộ Xây Dựng và Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang. Từ năm 2014 đến nay, Công ty ngưng hoạt động.

Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Bình An hoạt động chính là y tế, Trong năm 2025, Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Công ty Cổ phần Sài Gòn - Phú Quốc hoạt động chính là khách sạn, dịch vụ ăn uống... Trong năm 2025, Công ty đang hoạt động kinh doanh thua lỗ, Công ty đã trích lập dự phòng.

Công ty Cổ phần Du Lịch Núi Đền hoạt động chính là khách sạn, dịch vụ ăn uống. Trong năm 2025, Công ty đang ngưng hoạt động, Công ty đã trích lập dự phòng.

Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá hoạt động chính là khách sạn, dịch vụ ăn uống. Trong năm 2025, Công ty đang hoạt động kinh doanh thua lỗ, Công ty đã trích lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư như sau:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Dự phòng đầu năm	32.498.814.759	30.754.877.608
Trích lập dự phòng trong năm	4.306.891.032	1.743.937.151
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(10.088.363.838)	-
Dự phòng cuối năm	26.717.341.953	32.498.814.759

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang		
Đại lý vé số	237.574.725.000	223.477.865.150
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tảo		
Công An Tỉnh An Giang	358.728.000	-
Báo và Phát Thanh Truyền Hình Tỉnh An Giang	347.552.700	271.401.568
Ban Dân tộc Kiên Giang	-	191.000.000
Sở nội vụ An Giang	138.230.000	-
Bệnh viện Sần Nhi	278.208.040	278.208.040
Công Cổ phần Kiên Hùng - Thạnh Lộc	87.335.280	90.989.028
Các khách hàng khác	505.110.000	18.480.000
	239.289.889.020	224.327.943.786

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang		
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Agribank - Chi nhánh Miền Nam	90.000.000	90.000.000
Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư và Thẩm Định Giá Đông Dương	11.000.000	11.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	35.100.000	29.700.000
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tảo		
Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	18.900.000	15.000.000
Công ty TNHH In Ấn Quảng cáo Phương Ngọc	571.000.000	-
	726.000.000	145.700.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang				
Phải thu CTCP Du lịch Núi Đền	301.950.000	-	301.950.000	-
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	12.191.718.358	-	3.199.429.020	-
Phải thu thuế TNCN	3.005.608	-	7.113.020	-
Huỳnh Thị Diệu - tạm mượn kinh phí tổ chức chương trình	1.500.000.000	-	-	-
Giá trị tài sản 14 lô đất khu lấn biển	6.812.366.371	-	-	-
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu				
Phải thu thuế TNCN	320.207.337	-	225.332.861	-
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	377.550.685	-	303.265.753	-
	21.506.798.359	-	4.037.090.654	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.277.031.348	-	8.522.505.824	-
Chi phí SXKD dở dang	682.429.368	-	779.096.900	-
Vé xổ số	2.290.897.818	-	1.459.899.660	-
(i)	11.250.358.534	-	10.761.502.384	-

(i) Chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang

Chi phí SXKD dở dang	656.045.182
Vé xổ số	2.290.897.818
	2.946.943.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu

Nguyên liệu, vật liệu	8.277.031.348
Chi phí SXKD dở dang	26.384.186
	8.303.415.534

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí mua bảo hiểm	164.336.391	175.730.684
Chi phí mua công cụ	92.705.828	19.442.839
Chi phí sửa chữa	202.555.582	205.841.190
(a)	459.597.801	401.014.713

(a) Trong đó, chi phí trả trước ngắn hạn tại Công ty Xổ Sổ Kiến Thiết Kiên Giang là 412.427.742 VND và chi phí trả trước ngắn hạn tại Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu là 47.170.059 VND.

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	106.835.460	27.273.784
(b)	106.835.460	27.273.784

(b) Đây là chi phí trả trước dài hạn tại Công ty Xổ Sổ Kiến Thiết Kiên Giang là 106.835.460 VND.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT KIẾN GIANG

Số 94 đường 3 tháng 2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.8 Tình hình tăng/ (giảm) tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2025	190.163.973.617	33.925.183.749	4.906.519.967	68.000.000	562.272.727	229.625.950.060
Mua sắm trong năm	-	528.351.852	-	-	338.679.815	867.031.667
Tại ngày 31/12/2025	190.163.973.617	34.453.535.601	4.906.519.967	68.000.000	900.952.542	230.492.981.727
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2025	79.859.822.812	31.123.524.838	4.906.519.967	68.000.000	511.962.112	116.469.829.729
Khấu hao trong năm	6.116.777.312	920.667.576	-	-	25.522.062	7.062.966.950
Tại ngày 31/12/2025	85.976.600.124	32.044.192.414	4.906.519.967	68.000.000	537.484.174	123.532.796.679
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	110.304.150.805	2.801.658.911	-	-	50.310.615	113.156.120.331
Tại ngày 31/12/2025	104.187.373.493	2.409.343.187	-	-	363.468.368	106.960.185.048
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
Tại ngày 01/01/2025	3.789.427.698	25.909.547.386	4.906.519.967	68.000.000	479.000.000	35.152.495.051
Tại ngày 31/12/2025	3.789.427.698	25.909.547.386	4.906.519.967	68.000.000	479.000.000	35.152.495.051

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.9 Tình hình tăng/ (giảm) tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2025	36.629.450.000	32.696.000	35.320.000	36.697.466.000
Tại ngày 31/12/2025	36.629.450.000	32.696.000	35.320.000	36.697.466.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2025	7.489.194.000	32.696.000	35.320.000	7.557.210.000
Khấu hao trong năm	670.692.000	-	-	670.692.000
Tại ngày 31/12/2025	8.159.886.000	32.696.000	35.320.000	8.227.902.000
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2025	29.140.256.000	-	-	29.140.256.000
Tại ngày 31/12/2025	28.469.564.000	-	-	28.469.564.000

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2025	-	32.696.000	35.320.000	68.016.000
Tại ngày 31/12/2025	-	32.696.000	35.320.000	68.016.000

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tàu		
Công ty TNHH giấy Tín Thịnh Phát	493.740.000	-
Công ty Cổ phần Giấy MH	92.094.000	-
	585.834.000	-

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Xổ Sổ Kiến Thiết Kiên Giang		
Ngô Ngọc Thúy	74.430.000	65.660.000
Nguyễn Văn Được	1.770.000	72.620.000
Lê Phương Thúy	309.400.000	683.305.000
Lê Tuấn Anh	53.470.000	70.970.000
Nguyễn Văn Nam	10.700.000	19.380.000
Nguyễn Thị Thiên	250.000	86.970.000
Các đại lý khác	134.770.000	229.310.000
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tàu		
Tư Nhân	28.792.402	28.631.879
	613.582.402	1.256.846.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2025		Số phát sinh trong năm		31/12/2025	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT đầu ra	59.097.785.783	-	650.952.062.939	(659.247.178.682)	50.802.670.040	-
- Thuế GTGT đầu ra truyền thống	58.487.299.511	-	644.539.265.513	(652.753.648.618)	50.272.916.406	-
- Thuế GTGT đầu ra lô tô	245.656.818	-	2.456.536.819	(2.545.598.658)	156.594.979	-
- Thuế GTGT đầu ra hàng quảng cáo	64.652.000	-	66.160.444	(95.036.444)	35.776.000	-
- Thuế GTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ khác	16.969.490	-	70.357.866	(85.115.505)	2.211.851	-
- Thuế GTGT đầu ra - Xí nghiệp In Hồ Văn Tầu	283.207.964	-	3.819.742.297	(3.767.779.457)	335.170.804	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	77.395.520.751	-	851.030.265.413	(861.818.369.761)	66.607.416.403	-
- Thuế TTĐB vé số Truyền thống	77.075.098.814	-	847.826.086.953	(858.498.023.712)	66.403.162.055	-
- Thuế TTĐB vé số Lô Tô	320.421.937	-	3.204.178.460	(3.320.346.049)	204.254.348	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.701.597.959	-	192.933.716.453	(179.217.474.180)	52.417.840.232	-
Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách	180.259.783.286	-	744.699.912.125	(729.758.859.220)	195.200.836.191	-
Thuế thu nhập cá nhân	21.892.257.779	-	251.106.300.401	(249.943.202.325)	23.055.355.855	-
- Thuế thu nhập cá nhân CNV	106.776.390	-	13.052.034.126	(12.700.061.685)	458.748.831	-
- Thuế thu nhập cá nhân đại lý	4.895.266.688	-	54.068.132.273	(54.750.479.874)	4.212.919.087	-
- Thuế thu nhập từ người trúng thưởng vé số	16.598.240.000	-	182.972.870.000	(181.557.110.000)	18.014.000.000	-
- Thuế TNCN người không ký HĐ lao động	38.755.400	-	276.198.914	(301.816.814)	13.137.500	-
- Thuế TNCN - Xí nghiệp In Hồ Văn Tầu	253.219.301	-	737.065.088	(633.733.952)	356.550.437	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	170.071.218	(170.071.218)	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất - Xí nghiệp In Hồ Văn Tầu	-	-	170.530.626	(170.530.626)	-	-
Phí lệ phí và các loại thuế khác	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
	377.346.945.558	-	2.691.070.859.175	(2.680.333.686.012)	388.084.118.721	-

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động kinh doanh xổ số là 10%, hoạt động khác là 5% và 8%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập in xuất bản tính thuế với thuế suất 10%, hoạt động còn lại thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	969.136.901.418	744.447.624.184
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	30.000.000	223.243.420
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.820.293.932)	(3.217.851.778)
Thu nhập chịu thuế	965.346.607.486	741.453.015.826
Thu nhập chịu thuế - Thuế suất 10%	1.356.050.438	1.335.746.973
Thu nhập chịu thuế - Thuế suất 20%	963.990.557.048	740.117.268.853
Thu nhập tính thuế	965.346.607.486	741.453.015.826
Thuế TNDN do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông (10%)	135.605.044	133.574.697
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông (20%)	192.798.111.409	148.023.453.771
Tổng thuế TNDN phải nộp	192.933.716.453	148.157.028.468

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo kê khai theo từng tháng. Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt đối với hoạt động kinh doanh xổ số là 15%.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

5.13 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.13.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang		
Thu thừa thuế TNCN người lao động Công ty	53.385.271	603.672.042
Công ty TNHH MTV Đồi Sim	-	300.000.000
Ủy quyền trả thưởng	5.414.058.850	4.791.087.400
Hoa hồng Vé số tự chọn	24.471.526	23.461.912
Doanh thu chưa thực hiện	8.101.854	17.731.482
Tiền thù lao phải trả BKS	-	5.700.000
Lâm Thị Thanh Thủy - mua giấy vận	15.829.500	15.097.500
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	839.196.999	-
	6.355.044.000	5.756.750.336

5.13.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang - Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Đại lý thể chấp tiền vé truyền thống nhận bán	360.299.850.000	334.004.000.001
Đại lý thể chấp tiền vé lô tô nhận bán	800.000.000	1.000.000.000
	361.099.850.000	335.004.000.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.14 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	01/01/2025	Trích trong năm	Hoàn nhập trong năm (*)	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Dự phòng rủi ro trả thường	137.107.969.250	4.110.128.000	(86.407.969.250)	54.810.128.000
	<u>137.107.969.250</u>	<u>4.110.128.000</u>	<u>(86.407.969.250)</u>	<u>54.810.128.000</u>

(*) Xem thêm ở thuyết minh báo cáo tài chính mục 6.2

5.15 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2025 VND
Tại ngày 01/01	19.749.627.557
Trích từ lợi nhuận	31.503.272.840
Tăng khác	14.040.000
Chi trong năm	(21.580.300.123)
Tại ngày 31/12	<u>29.686.640.274</u>

5.16 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

	Năm 2025 VND
Tại ngày 01/01	56.611.471.000
(*) Tại ngày 31/12	<u>56.611.471.000</u>

(*) Trong đó Quỹ phát triển khoa học công nghệ của Xí nghiệp in Hồ Văn Tầu chuyển về công ty là 510.240.000 VND, Quỹ phát triển khoa học công nghệ của công ty là 56.101.231.000 VND.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG

Số 94 đường 3 tháng 2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.17 Vốn chủ sở hữu

5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	743.187.633.629	-	743.187.633.629
Lãi trong năm	-	596.290.595.716	596.290.595.716
Trích lập quỹ	-	(25.473.194.561)	(25.473.194.561)
Tạm nộp lợi nhuận còn lại về ngân sách nhà nước	-	(570.817.401.155)	(570.817.401.155)
Tại ngày 31/12/2024	743.187.633.629	-	743.187.633.629
Tại ngày 01/01/2025	743.187.633.629	-	743.187.633.629
Tăng vốn trong năm	6.812.366.371	-	6.812.366.371
Lãi trong năm (*)	-	776.203.184.965	776.203.184.965
Trích lập quỹ (**)	-	(31.503.272.840)	(31.503.272.840)
Tạm nộp lợi nhuận còn lại về ngân sách nhà nước	-	(744.699.912.125)	(744.699.912.125)
Tại ngày 31/12/2025	750.000.000.000	-	750.000.000.000

(*) Trong đó, lãi trong năm của Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang là 767.703.794.739 VND, lãi trong năm của Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu là 8.499.390.226 VND.

(**) Quỹ được trích lập theo bảng phân phối lợi nhuận của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 12 ngày 16 tháng 12 năm 2024 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, vốn điều lệ của Công ty là 750.000.000.000 VND.

Chi tiết như sau:

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
UBND tỉnh Kiên Giang	750.000.000.000	100%	743.187.633.629	100%
(*)	750.000.000.000	100%	743.187.633.629	100%

(*) Điều chỉnh tăng vốn chủ sở hữu đối với 14 lô đất khu lấn biển theo thông báo số 619/TB-KV V ngày 10/09/2025 của Kiểm toán nhà nước Khu vực V về kết quả kiểm toán tại Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang.

5.17.3 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận như sau:

	VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang	23.847.747.161
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu	7.655.525.679
	31.503.272.840

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu kinh doanh xổ số		
Xổ số truyền thống	6.500.000.000.000	5.863.631.072.727
Xổ số lô tô	24.565.368.181	20.076.463.635
Doanh thu kinh doanh khác	26.012.964.169	27.314.775.297
(*)	6.550.578.332.350	5.911.022.311.659

Các khoản giảm trừ doanh thu

Xổ số truyền thống	847.826.086.953	764.821.444.269
Xổ số lô tô	3.204.178.460	2.618.669.171
(**)	851.030.265.413	767.440.113.440

Doanh thu thuần	(*) - (**)	5.699.548.066.937	5.143.582.198.219
-----------------	------------	-------------------	-------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6.2 Chi phí kinh doanh

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí trả thưởng	3.498.955.920.000	3.144.621.047.300
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	(i) 1.066.536.388.516	1.036.329.162.548
Giá vốn hàng bán	6.906.572.687	4.766.499.464
	4.572.398.881.203	4.185.716.709.312

(i) Chi phí trực tiếp phát hành xổ số bao gồm:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí hoa hồng đại lý	1.076.553.285.750	970.811.743.500
Chi phí ủy quyền trả thưởng	5.432.331.120	4.811.398.060
Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	2.814.800.000	2.978.088.889
Chi phí phòng chống số đề	2.543.000.000	3.013.675.000
Trích dự phòng rủi ro trả thưởng	4.110.128.000	-
Hoàn nhập dự phòng rủi ro trả thưởng (*)	(86.407.969.250)	-
Chi phí về in vé Xổ số	58.059.000.270	51.389.560.427
Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	2.302.352.000	2.156.752.000
Chi phí đóng góp cho Hội đồng Xổ số khu vực	-	60.000.000
Chi phí trực tiếp phát hành khác	1.129.460.626	1.107.944.672
	1.066.536.388.516	1.036.329.162.548

(*) Hoàn nhập dự phòng rủi ro trả thưởng theo thông báo số 619/TB-KV V ngày 10/09/2025 của Kiểm toán nhà nước Khu vực V về kết quả kiểm toán tại Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang.

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	33.737.394.025	21.292.537.342
Nhận tiền cổ tức	3.820.293.932	3.217.851.778
	37.557.687.957	24.510.389.120

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	4.306.891.032	1.743.937.151
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính (*)	(10.088.363.838)	-
	(5.781.472.806)	1.743.937.151

(*) Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính theo thông báo số 619/TB-KV V ngày 10/09/2025 của Kiểm toán nhà nước Khu vực V về kết quả kiểm toán tại Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí hoa hồng	278.399.253	379.781.720
Chi phí quảng cáo	14.814.815	39.814.815
Chi phí khác	83.907.717	96.228.565
	377.121.785	515.825.100

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	107.421.975.913	83.727.973.532
Chi phí đồ dùng văn phòng	43.975.961	88.446.537
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.837.936.830	7.584.955.280
Chi phí thuế, lệ phí	378.330.893	382.010.352
Chi phí dự phòng	-	83.462.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.467.582.072	3.754.888.856
Chi phí tài trợ	69.945.599.000	124.981.590.000
Chi phí quản lý khác	13.583.623.690	15.501.259.908
	201.679.024.359	236.104.586.877

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu hồi hủy vé	426.766.595	455.328.282
Thu nhập khác	300.000.000	-
	726.766.595	455.328.282

6.8 Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí khác	22.065.530	19.232.997
	22.065.530	19.232.997

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.625.535.924	12.561.597.749
Chi phí nhân công	137.347.274.186	110.656.750.099
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.733.658.950	8.431.708.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.053.455.757	8.261.492.533
Chi phí khác	4.579.538.170.816	4.322.253.103.806
	4.746.298.095.633	4.462.164.652.707

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Lương, thưởng Người quản lý Công ty		10.940.740.638	7.632.156.466
Trần Chí Hùng	Chủ tịch	1.689.193.752	1.120.341.929
Lâm Minh Đạo	Tổng Giám đốc	1.695.135.444	1.078.847.775
Lâm Thành Được	Phó Tổng Giám đốc	496.086.417	874.834.896
Nguyễn Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc	1.391.169.295	954.365.342
Đỗ Chí Hiền	Phó Tổng Giám đốc	1.465.989.990	954.365.342
Trần Đỗ Thị Mỹ Linh	Kế toán trưởng	176.199.587	290.459.016
Trần Thị Anh Thư	Kế toán trưởng	618.542.368	217.844.261
Trịnh Kiều Oanh	Kế toán trưởng	356.879.696	-
Huỳnh Văn Ngà	Trưởng Ban Kiểm Soát	1.411.136.790	995.859.495
Lâm Thanh Nhân	Thành viên	1.367.006.083	954.365.342
Đồng Thị Kim Ngân	Thành viên không chuyên trách	273.401.216	190.873.068
Thù lao người đại diện vốn		65.700.000	78.300.000
Ông Đỗ Chí Hiền	Phó Tổng Giám đốc	60.000.000	-
Ông Lâm Thành Được	Phó Tổng Giám đốc	-	60.000.000
Ông Trần Chí Hùng	Chủ tịch	-	12.600.000
Bà Trần Đỗ Thị Mỹ Linh	Kế toán trưởng	5.700.000	5.700.000
		11.006.440.638	7.710.456.466

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty chưa phát sinh giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với công ty đầu tư.

Công ty chưa phát sinh giao dịch phát sinh mua, bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác.

Cam kết bảo lãnh

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có cam kết bảo lãnh nghĩa vụ tài chính cho các bên liên quan khác.

7.1.3 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	89,94	90,02
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	10,06	9,98
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	55,58	56,58
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	44,42	43,42
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,80	1,77
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	2,92	2,67
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,39	2,26
2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần	-	-
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	16,89	14,40
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	13,53	11,54
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	57,40	43,49
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	45,97	34,84
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	103,49	80,23

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.



TRẦN THANH MINH
Người lập biểu



TRỊNH KIỀU OANH
Kế toán trưởng



LÂM MINH ĐẠO
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2026